

Số: 33/2023/QĐST-HNGĐ

N, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 644/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1957. Địa chỉ: phường T, quận N, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giải quyết phần tài sản: bà Phan Nguyễn Hoa T, sinh năm 1994.

-Bị đơn: ông Nguyễn Đoàn K, sinh năm 1954. Địa chỉ: phường T, quận N, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn giải quyết phần tài sản: ông Lê Duy B, sinh năm 1980. Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/3/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đoàn K và bà Đoàn Thị L.
- Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đoàn K và bà Đoàn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đoàn K và bà Đoàn Thị L đề nghị Tòa án công nhận:

1/ Tài sản chung nhà và đất theo Giấy CNQSH nhà ở và QSD đất ở hồ sơ gốc cấp số 33/2000 ngày 20/12/2000 diện tích đất 53.4m², diện tích xây dựng 79.49m² thửa số 44, tờ bản đồ số 09 địa chỉ số 06, Ngõ Đức Kế, phường T, quận N, thành phố C giao cho bà Đoàn Thị L được trọn quyền sở hữu. Tài sản nhà đất này đương sự thống nhất định giá khoảng 11.000.000.000đồng (*mười một tỉ đồng*). Bà L nhận nhà đất và có trách nhiệm giao cho ông K số tiền chia tài sản chung nhà, đất là 6.000.000.000đồng(*sáu tỉ đồng*)

Thực hiện việc giao nhận tiền chia tài sản chung là nhà, đất làm 02 lần:

Lần 1: vào ngày 30/3/2023, bà L sẽ giao cho ông K số tiền là 4.000.000.000đồng (*bốn tỉ đồng*) thông qua tài khoản của ông Nguyễn Đoàn K tại Ngân hàng.

Lần 2: chậm nhất là đến ngày 30/5/2023, bà L sẽ giao cho ông K số tiền là 2.000.000.000đồng (*hai tỉ đồng*) thông qua tài khoản của ông Nguyễn Đoàn K tại Ngân hàng.

Trường hợp bà Đoàn Thị L chậm giao tiền theo thỏa thuận thì ông Nguyễn Đoàn K được quyền yêu cầu tính lãi trên số tiền bà L chậm thi hành án theo mức lãi suất Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Kể từ khi bà L giao đủ số tiền 6.000.000.000đồng(*sáu tỉ đồng*) thì 03 (ba) ngày sau khi nhận đủ tiền, ông K phải dọn ra khỏi nhà và bàn giao toàn bộ nhà đất theo Giấy CNQSH nhà ở và QSD đất ở hồ sơ gốc cấp số 33/2000 ngày 20/12/2000 vừa nói trên cho bà L được trọn quyền đăng ký đứng tên sở hữu toàn bộ tài sản nhà và đất này.

- Ủy ban nhân dân quận N, thành phố C có trách nhiệm thu hồi, điều chỉnh Giấy CNQSH nhà ở và QSD đất ở hồ sơ gốc cấp số 33/2000 ngày 20/12/2000 diện tích đất 53.4m², diện tích xây dựng 79.49m² thửa số 44, tờ bản đồ số 09 địa chỉ số 06, Ngõ Đức Kế, phường T, quận N, thành phố C cho bà Đoàn Thị L theo quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai.

2/ Công nhận tài sản riêng của bà Đoàn Thị L gồm:

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích 15340m² (đất nuôi trồng thủy sản) tại thửa 249, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã T, huyện Đ, tỉnh C chiếu theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AD 138633, sổ vào sổ H01961 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh C cấp ngày 10/01/2006.

+ Toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích 3660m² (đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm) tại thửa 248, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại ấp Tân Thành, xã T, huyện Đ, tỉnh C chiếu theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AD 138634, sổ vào sổ H01961 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh C cấp ngày 10/01/2006.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự được miễn án phí do là người cao tuổi theo Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận N;
- UBND địa phương nơi đăng ký kết hôn;
- Tòa án nhân dân TP. C;
- Lưu (Hs, Lt, Tds);

Phạm Thị A